

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2022

V/v "Tranh chấp ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn P

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn T

2. Ông Nguyễn Văn N

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hồ Quế T – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên tòa:* Không tham gia

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Ngọc C, sinh năm 1968 (xin vắng)

Địa chỉ: Số 165 tổ 10, ấp PT 2, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1969 (vắng mặt)

HKTT: Khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh TN.

Địa chỉ: ấp PT 4, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Ngọc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1986, qua quen biết tìm hiểu nhau bà Mai Ngọc C và ông Nguyễn Thế D đã tiến đến hôn nhân nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân bà C đã nhiều lần cố gắng khắc phục

mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được nên hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nay bà Mai Ngọc C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Nguyễn Thế D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/1987 và Nguyễn Công T, sinh ngày 05/7/1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà C yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thế D vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

\* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Mai Ngọc C có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn ông Nguyễn Thế D vắng mặt không có lý do

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Mai Ngọc C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL giải quyết việc hôn nhân của bà và ông Nguyễn Thế D. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1986, qua quen biết tìm hiểu nhau bà C và ông D đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Ngọc C là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì năm 1986, bà C và ông D sống chung với nhau đến tháng 7 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn lại được với nhau. Đây là xác lập hôn nhân trước năm 1987, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng có con chung: Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/1987, có đủ căn cứ xác định hai người đã sống chung trước ngày 03/01/1987 là Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1987 có hiệu

lực pháp luật nên được coi là hôn nhân thực tế. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/1987 và Nguyễn Công T, sinh ngày 05/7/1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Mai Ngọc C là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Mai Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Thế D.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/1987 và Nguyễn Công T, sinh ngày 05/7/1995. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Mai Ngọc C nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003750 ngày 25/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Tấn Phong**